

BETAINE OSMS

I. Giới thiệu

- Betaine là một phân tử đơn giản và rất phổ biến trong tự nhiên, thu được trong quá trình sản xuất đường từ củ cải đường.
- Do đặc điểm về cấu trúc, Betaine dễ dàng hình thành liên kết hydro với nước và những phân tử khác, có thể tan trong nước tạo dung dịch 55% bền vững về mặt hóa học.
- Thành phần này tương thích tốt với da, làm giảm kích ứng gây ra do chất hoạt động bề mặt và tạo cảm giác mềm mại khi sử dụng.

II. Xuất xứ : Phần Lan

III. Trạng thái :

| Thông số kỹ thuật | Giá trị |
|-------------------|--|
| INCI name | Betaine |
| Số CAS | 107-43-7 |
| Trạng thái vật lý | Bột trắng |
| Tên hóa học | Trimethylglycine |
| Giá trị pH (5%) | 5 - 7 |
| Tính tan | Tan trong nước, ethanol propylene glycol, glycerine |
| Hàm lượng nước | Cao nhất 2% |
| Độ nóng chảy | 241 ~ 242°C |

IV. Công dụng

- Đồ dùng vệ sinh: tương tác với chất hoạt động bề mặt
 - Cải thiện khối lượng bọt và độ ổn định
 - Giảm kích ứng của chất hoạt động bề mặt
- Trong nhũ tương O / W:
 - Ở nồng độ thấp (1-4%): chất giữ ẩm nhưng không gây hiệu ứng dính, có thể thay thế một phần glycerin cải thiện hiệu quả dưỡng ẩm và bổ sung thêm lợi ích.
 - Nồng độ Betaine cao không làm mất ổn định nhũ tương
 - Tăng độ dày mà không giảm khả năng lan truyền
- Trong nhũ tương W / O:
 - Betaine có thể thay thế Mg sulfat và NaCl trong quá trình ổn định nhũ tương W/O.

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NGUYỄN BÁ

- Có thể giảm bớt chất nhũ hóa
- Hiệu quả ổn định tốt nhất khoảng 1-1.5 % OSMS
- Trong khan giấy ướt:
 - Tác dụng dưỡng ẩm
 - Hiệu ứng ít giảm bớt rít da da khi sử dụng
 - An toàn và dịu nhẹ đối với da nhạy cảm

V. Ứng dụng

- Sử dụng trong kem dưỡng da, serum, dầu gội đầu, dầu xả, sữa tắm, sữa rửa mặt, gel rửa mặt, bột cạo râu, xà phòng, những sản phẩm trong suốt,..
- Những sản phẩm dành cho da nhạy cảm.

VI. Hàm lượng sử dụng : 1-5%

VII. Hướng dẫn đóng gói, bảo quản:

Bảo quản ở nơi khô ráo và thông gió tốt hoặc trong kho, tránh ánh nắng mặt trời.
Hạn sử dụng: 3 năm

